

# Thất Thập Không Tánh Luận Quảng Minh

---o0o---

*Nguồn*

*<https://thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 10-10-2017*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - [thao.ksd.hng@gmail.com](mailto:thao.ksd.hng@gmail.com)*

*Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phapthihei.org](http://www.phapthihei.org)*

Mục Lục

**DẪN NHẬP**  
**THẤT THẬP KHÔNG TÁNH LUẬN**

---o0o---

**DẪN NHẬP**



*Bồ Tát Long Thọ*

**Thất thập không tánh luận (七十空性論, Sunyata-saptati), còn gọi là Thất thập luận (七十論), là luận thư của Phật giáo Đại thừa. Tác giả luận này là Bồ-tát Long Thọ. Nội dung luận này giảng nói đạo lý tự tánh Không của các pháp. Phạn bản của luận này đã thất truyền, chỉ còn Tạng bản (sTonpa nid bdun cu pahi tshig lehur byas pa). Thời Dân Quốc, pháp sư Pháp Tôn (1902-1980) chuyển dịch luận này từ Tạng bản ra Hoa văn.**

**Nói thêm về Phạn bản. Ngoài luận tụng này, ngài Long Thọ còn viết thêm một thích luận cho luận này. Còn có thêm hai bản thích luận nữa, một của ngài Nguyệt Xứng (月稱, 600-650) soạn, và một của ngài Ba-la-hi-đa (波羅呬多) tạo vào cuối thế kỷ 11. Ba bản thích luận bằng Phạn văn này đã thất truyền. May mắn là cả ba bản thích luận trên đều được chuyển dịch ra Tạng văn. Vào đầu thế kỷ thứ 9, bản thích luận của Long Thọ được luận sư Thắng Hữu cùng luận sư Trí Quân chuyển dịch ra Tạng văn, nhan đề “Thất thập không tánh luận thích” (No. 5231). Cuối thế kỷ 11, bản luận thích của Nguyệt Xứng được Vô Úy Hành và Pháp Danh Xưng chuyển dịch ra Tạng văn, nhan đề “Thất thập không tánh luận thích” (No. 5268). Còn bản luận thích của Ba-la-hi-đa do Tha Thân Tự và Đồng Thắng chuyển dịch ra Tạng văn, nhan đề “Thất thập không tánh luận chú giải” (No. 5269).**

Thời cổ đại ở Trung Hoa chưa có luận này. Đến năm 1939, pháp sư Ấn Thuận thỉnh cầu pháp sư Pháp Tôn tại Hán Tạng Giáo Lý Viện, y cứ bản Tạng dịch của Thắng Hữu và Trí Quân mà dịch ra Hán ngữ.

Luận Thất thập này có 73 bài kệ tụng. Như phẩm 7, Quán tam tướng, của Trung Luận, luận này cũng bàn về ba tướng sinh, trú, diệt. Ba tướng sinh, trú, diệt của các pháp hữu vi như huyễn sự, như sóng năng, như thành Càn-thát-bà, đều không có tự tánh. Trong kinh, Phật nói về ba tướng hữu vi là để chúng sinh nhầm chán thế gian này, chứ không phải nói chúng có tự thể chân thật. Vì các pháp là vô tự tánh nên các pháp là duyên khởi. Duyên khởi là duyên khởi của vô tự tánh, từ đó đạt đến tự tánh Không. Nếu các pháp mà có tự tánh, thì không những là bất không, mà còn không thành duyên khởi. Vì các pháp là tự tánh Không, nên có pháp duyên khởi. Hiểu được lý duyên khởi qua tự tánh Không thì đó là giải thoát, niết bàn.

Nội dung luận này có thể tóm tắt trong 7 điểm:

1. Các pháp hữu vi (sinh, trú, diệt) chỉ là thi thiết giả lập bởi danh ngôn, chúng là vô tự tánh (paramarthatah), là y tha khởi (anutpanna). (1-6)
2. Tất cả các pháp đều là duyên khởi (pratityasamutpanna), hoặc tánh Không (Sunya). Vì vậy, niết bàn đơn giản là bất sinh (anutpada). (7-26)
3. Khía cạnh khác nhau của hiện hữu (bhava) được chứng minh là tương đối. (27-32)
4. Nghiệp (Karma) cũng được hiểu là tánh Không. (33-44)
5. Sắc pháp, kể cả năm uẩn, thì không thể thủ đắc. (45-57)
6. Cái thấy thác loạn là do phân biệt. Thấy được thật tướng duyên sinh của các pháp, thì hết thác loạn, hết vô minh, toàn bộ khổ não chấm dứt. (58-66)
7. Vô tự tánh là tánh Không, Vô sinh, Vô phân biệt v.v... Vì đây không phải là đối tượng của sự nhận thức thông thường, do đó hành giả đôi khi phải dùng đến chánh tín để ngộ giải. (67-73)

Trong Thập nhị môn luận (十二門論, No. 1568), quyển 1, ngài Long Thọ đã dẫn dụng Thất thập luận: “Như trong luận Thất thập có ghi: ‘Pháp duyên khởi thật sự không có sự sinh. Nếu bảo rằng chúng có sự sinh, thì chúng sinh ra ở trong một tâm, hay là ở trong nhiều tâm.’ Pháp Thập nhị môn nhân duyên ấy thật sự là không có sự sinh.” (tr. 160a21)

(如七十論中說：『緣法實無生，若謂為有生，為在一心中，為在多心中。』是十二因緣法，實自無生。Nhu Thất thập luận trung thuyết: ‘Duyên pháp thật vô sinh, nhược vị vi hữu sinh, vi tại nhất tâm trung, vi tại đa tâm trung.’ Thị thập nhị nhân duyên pháp, thật tự vô sinh.)

Kệ tụng được ngài Long Thọ trích dẫn ở Thập nhị môn luận tương đương với kệ tụng số 8 của luận Thất thập:

緣起十二支  
有苦即不生  
於一心多心  
是皆不應理

Duyên khởi thập nhị chi  
Hữu khổ tức bất sinh  
Ư nhất tâm đa tâm  
Thị giai bất ưng lý.

Duyên khởi mười hai chi  
Hữu khổ tức bất sinh  
Nơi một tâm, nhiều tâm  
Đều là không đúng lý.

Quảng Minh  
4/4/2017

---o0o---

## THẤT THẬP KHÔNG TÁNH LUẬN

七十空性論

Bồ-tát Long Thọ trước tác

龍樹菩薩造

Pháp sư Pháp Tôn dịch sang Hán ngữ từ Tạng bản

法尊法師譯

Việt dịch: Quảng Minh

(1)

生住滅有無

以及劣等勝

佛依世間說

**非是依真實**

**Sinh trú diệt hữu vô  
Dĩ cập liệt đẳng thắng  
Phật y thế gian thuyết  
Phi thị y chân thật.**

**Sinh, trú, diệt, có, không  
Cho đến những hơn kém  
Phật thuyết theo thế gian  
Chẳng phải theo chân thật.**

**(2)**

**無我非無我  
非故無可說  
一切所說法  
性空如涅槃**

**Vô ngã phi vô ngã  
Phi cố vô khả thuyết  
Nhất thiết sở thuyết pháp  
Tánh không như niết bàn.**

**Vô ngã phi vô ngã  
Phi nên không thể nói  
Tất cả pháp được thuyết  
Tánh Không như niết bàn.**

(3)

一切法自性  
於諸因緣中  
若總若各別  
無故說爲空

Nhất thiết pháp tự tánh  
Ư' chư nhân duyên trung  
Nhược tổng nhược các biệt  
Vô cố thuyết vi không.

Tự tánh tất cả pháp  
Ở trong các nhân duyên  
Hoặc chung, hoặc sai khác  
Vì không (có) nói là Không.

(4)

有故有不生  
無故無不生  
違故非有無  
生無住滅無

Hữu cố hữu bất sinh  
Vô cố vô bất sinh  
Vi cố phi hữu vô  
Sinh vô trú diệt vô.

Vì có, có chẳng sinh

Vì không, không chẳng sinh  
Vì trái, chẳng có không  
Sinh không (có), trú diệt không (có).

(5)

已生則不生  
未生亦不生  
生時亦不生  
即生未生故

Dĩ sinh tức bất sinh  
Vị sinh diệt bất sinh  
Sinh thời diệt bất sinh  
Tức sinh vị sinh cố.

Đã sinh thì chẳng sinh  
Sẽ sinh cũng chẳng sinh  
Khi sinh cũng chẳng sinh  
Sắp sinh là chưa sinh.

(6)

有果具果因  
無果等非因  
非有無相違  
三世亦非理

Hữu quả cụ quả nhân  
Vô quả đẳng phi nhân

Phi hữu vô tương vi  
Tam thể diệc phi lý.

Có quả: đủ nhân quả  
Không quả: chẳng nhân duyên  
Chẳng có không trái nhau  
Ba đời cũng phi lý.

(7)

無一則無多  
無多亦無一  
以是一切法  
緣起故無相

Vô nhất tác vô đa  
Vô đa diệc vô nhất  
Dĩ thị nhất thiết pháp  
Duyên khởi cố vô tướng.

Không một thì không nhiều  
Không nhiều cũng không một  
Vì thế tất cả pháp  
Vô tướng do duyên khởi.

(8)

緣起十二支  
有苦即不生  
於一心多心



**是皆不應理**

**Duyên khởi thập nhị chi  
Hữu khổ tức bất sinh  
Ư nhất tâm đa tâm  
Thị giai bất ưng lý.**

**Duyên khởi mười hai chi  
Hữu khổ tức bất sinh  
Nơi một tâm, nhiều tâm  
Đều là không đúng lý.**

**(9)**

**非常非無常  
亦非我無我  
淨不淨苦樂  
是故無顛倒**

**Phi thường phi vô thường  
Diệc phi ngã vô ngã  
Tịnh bất tịnh khổ lạc  
Thị cố vô điên đảo.**

**Chẳng thường, chẳng vô thường  
Cũng chẳng ngã - vô ngã  
Tịnh - bất tịnh, khổ - lạc  
Cho nên không điên đảo.**

**(10)**

從倒生無明  
倒無則不有  
以無無明故  
行無餘亦無

Tùng đảo sinh vô minh  
Đảo vô tác bất hữu  
Dĩ vô vô minh cố  
Hành vô dư diệt vô.

Từ (điên) đảo sinh vô minh  
Đảo không thì không có (vô minh)  
Do vì không vô minh  
Hành không còn cũng không.

(11)

離行無無明  
離無明無行  
彼二互爲因  
是故無自性

Ly hành vô vô minh  
Ly vô minh vô hành  
Bỉ nhị hỗ vi nhân  
Thị cố vô tự tánh.

Rời hành không vô minh  
Rời vô minh không hành

Hai làm nhân cho nhau  
Cho nên vô tự tánh.

(12)

自若無自性  
云何能生他  
以緣無性故  
不能生於他

Tự nhược vô tự tánh  
Vân hà năng sinh tha  
Dĩ duyên vô tánh cố  
Bất năng sinh ư tha.

Tự nếu vô tự tánh  
Làm sao năng sinh tha  
Vì duyên là vô tánh  
Không thể sinh ra tha.

(13)

父子不相即  
彼二亦非離  
亦復非同時  
有支亦如是

Phụ tử bất tương tức  
Bỉ nhị diệc phi ly  
Diệc phục phi đồng thời

Hữu chi diệc như thị.

Cha con không tương tức  
Cả hai cũng chẳng rời  
Lại cũng chẳng đồng thời  
Hữu chi cũng như vậy.

(14)

夢境生苦樂  
彼境亦非有  
如是緣起法  
所依緣亦無

Mộng cảnh sinh khổ lạc  
Bỉ cảnh diệc phi hữu  
Nhu thị duyên khởi pháp  
Sở y duyên diệc vô.

Cảnh mộng sinh khổ vui  
Cảnh ấy cũng chẳng có  
Nhu vậy pháp duyên khởi  
Sở y duyên<sup>1</sup> cũng không (có).

(15)

若諸法無性  
應無劣勝等  
及種種差別

**亦無從因生**

**Nhược chư pháp vô tánh  
Ứng vô liệt thắng đẳng  
Cập chủng chủng sai biệt  
Diệc vô tùng nhân sinh.**

**Nếu các pháp vô tánh  
Phải không những kém, hơn  
Và chủng loại sai biệt  
Cũng không từ nhân sinh.**

**(16)**

**有性不依他  
不依云何有  
不成無自性  
性應不可滅**

**Hữu tánh bất y tha  
Bất y vân hà hữu  
Bất thành vô tự tánh  
Tánh ưng bất khả diệt.**

**Hữu tánh không nương tha  
Không nương làm sao có  
Không thành vô tự tánh  
Tánh phải không thể diệt.**

**(17)**

自他性及滅  
無中云何有  
故自性他性  
性無性皆倒

Tự tha tánh cập diệt  
Vô trung vân hà hữu  
Cố tự tánh tha tánh  
Tánh vô tánh giai đảo.

Tự tha tánh và diệt  
Không có làm sao có?  
Nên tự tánh, tha tánh  
Tánh, vô tánh đều (điên) đảo.

(18)

若諸法皆空  
應無生無滅  
以於性空中  
何滅復何生

Nhược chư pháp giai không  
Ứng vô sinh vô diệt  
Dĩ ư tánh không trung  
Hà diệt phúc hà sinh.

Nếu các pháp toàn Không  
Phải không sinh, không diệt

**Trong tự tánh Không ấy  
Sao diệt lại thêm sinh.**

**(19)**

**生滅非同時  
無滅則無生  
應常有生滅  
無生則無滅**

**Sinh diệt phi đồng thời  
Vô diệt tắc vô sinh  
Ứng thường hữu sinh diệt  
Vô sinh tắc vô diệt.**

**Sinh diệt chẳng đồng thời  
Không diệt thì không sinh  
Phải thường có sinh diệt  
Không sinh thì không diệt.**

**(20)**

**無生時無滅  
不從自他生  
是故生非有  
無生則無滅**

**Vô sinh thời vô diệt  
Bất tùng tự tha sinh**

**Thị cố sinh phi hữu  
Vô sinh tắc vô diệt.**

**Không sinh thì không diệt  
Không từ tự tha sinh  
Cho nên sinh chẳng có  
Không sinh thì không diệt.**

**(21)**

**有生性應常  
無者定成斷  
有生墜二失  
是故不應許**

**Hữu sinh tánh ưng thường  
Vô giả định thành đoạn  
Hữu sinh trụ nhị thất  
Thị cố bất ưng hứa.**

**Hữu sinh tánh nên thường  
Vô sinh chắc thành đoạn  
Hữu sinh rơi hai lỗi  
Cho nên không chấp nhận.**

**(22)**

**相續故無過  
法與因已滅  
此如前不成**



**復有斷滅過**

**Tương tục cố vô quá  
Pháp dữ nhân dĩ diệt  
Thử như tiền bất thành  
Phức hữu đoạn diệt quá.**

**Tương tục nên không lỗi  
Pháp cùng nhân (tổ) đã diệt  
Đây như trên bất thành  
Thêm có lỗi đoạn diệt.**

**(23)**

**佛說涅槃道  
見生滅非空  
此二互違故  
所見爲顛倒**

**Phật thuyết niết bàn đạo  
Kiến sinh diệt phi không  
Thử nhị hữ vi cố  
Sở kiến vi điên đảo.**

**Phật thuyết đạo niết bàn  
Thấy sinh diệt chẳng Không (tánh)  
Tướng sinh diệt trái nhau  
Cái thấy thành thác loạn.**

(24)

若無有生滅  
何滅名涅槃  
自性無生滅  
此豈非涅槃

Nhược vô hữu sinh diệt  
Hà diệt danh niết bàn  
Tự tánh vô sinh diệt  
Thử khởi phi niết bàn.

Nếu không có sinh diệt  
Diệt gì gọi niết bàn?  
Tự tánh không sinh diệt  
Đây đâu chẳng niết bàn.

(25)

若滅應成斷  
異此則成常  
涅槃非有無  
故無生與滅

Nhược diệt ưng thành đoạn  
Dị thử tác thành thường  
Niết bàn phi hữu vô  
Cố vô sinh dữ diệt.

Nếu diệt nên thành đoạn

**Khác đây là thành thường  
Niết bàn chẳng có không  
Nên không sinh và diệt.**

**(26)**

**滅若常住者  
離法亦應有  
離法此非有  
離無法亦無**

**Diệt nhược thường trú giả  
Ly pháp diệt ưng hữu  
Ly pháp thử phi hữu  
Ly vô pháp diệt vô.**

**Diệt nếu là thường trú  
Rời pháp cũng nên có  
Rời pháp nó chẳng có  
Rời vô pháp cũng không.**

**(27)**

**能相與所相  
相待非自成  
亦非展轉成  
未成不能成**

**Năng tương dữ sở tương  
Tương đãi phi tự thành**

**Diệc phi triển chuyển thành  
Vị thành bất năng thành.**

**Năng tướng cùng sở tướng  
Đội nhau chẳng tự thành  
Cũng chẳng đáp đối thành**

**Chưa thành (năng tướng và sở tướng) không thể thành (các pháp).**

**(28)**

**因果受受者  
能見所見等  
一切法准此  
皆當如是說**

**Nhân quả thọ thọ giả  
Năng kiến sở kiến đẳng  
Nhất thiết pháp chuẩn thử  
Giai đương như thị thuyết.**

**Nhân, quả, thọ, thọ giả  
Năng kiến, sở kiến, v.v...  
Tất cả pháp theo đây  
Đều nên nói như vậy.**

**(29)**

**不住相待故  
亂故無體故  
無性故三時**

**非有唯分別**

**Bất trú tương đãi cố  
Loạn cố vô thể cố  
Vô tánh cố tam thời  
Phi hữu duy phân biệt.**

**Vì bất trú, tương đãi  
Vì tạp loạn, vô thể  
Vì vô tánh, ba thời  
Chẳng có, chỉ (có) phân biệt.**

**(30)**

**由無生住滅  
三種有爲相  
是故爲無爲  
一切皆非有**

**Do vô sinh trú diệt  
Tam chủng hữu vi tướng  
Thị cố vi vô vi  
Nhất thiết giai phi hữu.**

**Do không sinh, trú, diệt  
Ba thứ tướng hữu vi  
Cho nên là vô vi  
Tất cả đều chẳng có.**

**(31)**

滅未滅不滅  
已住則不住  
未住亦不住  
生未生不生

Diệt vị diệt bất diệt  
Đĩ trú tắc bất trú  
Vị trú diệt bất trú  
Sinh vị sinh bất sinh.

Diệt, chưa diệt: không diệt  
Đã trú thì không trú  
Chưa trú cũng không trú  
Sinh, chưa sinh: không sinh.

(32)

有爲與無爲  
非多亦非一  
非有無二俱  
此攝一切相

Hữu vi dĩ vô vi  
Phi đa diệt phi nhất  
Phi hữu vô nhị câu  
Thử nhiếp nhất thiết tướng.

Hữu vi và vô vi  
Chẳng nhiều cũng chẳng một

**Chẳng có không, chẳng cả hai  
Đây nhiếp tất cả tướng.**

**(33)**

**世尊說業住  
複說業及果  
有情受自業  
諸業不失常**

**Thế Tôn thuyết nghiệp trú  
Phức thuyết nghiệp cập quả  
Hữu tình thọ tự nghiệp  
Chư nghiệp bất thất vong.**

**Thế Tôn thuyết nghiệp trú  
Nói thêm nghiệp và quả  
Hữu tình thọ tự nghiệp  
Các nghiệp không mất hết.**

**(34)**

**已說無自性  
故業無生滅  
由我執造業  
執從分別起**

**Dĩ thuyết vô tự tánh  
Cố nghiệp vô sinh diệt  
Do ngã chấp tạo nghiệp**

**Chấp từng phân biệt khởi.**

**Đã nói vô tự tánh  
Nên nghiệp không sinh diệt  
Do ngã chấp tạo nghiệp  
Chấp từ phân biệt khởi.**

**(35)**

**業若有自性  
所感身應常  
應無苦異熟  
故業應成我**

**Nghiệp nhược hữu tự tánh  
Sở cảm thân ưng thường  
Ứng vô khổ dị chấp  
Cố nghiệp ưng thành ngã.**

**Nghiệp nếu có tự tánh  
Thân chiêu cảm phải thường  
Phải không khổ dị thực  
Vì nghiệp phải thành ngã.**

**(36)**

**業緣生非有  
非緣亦無有  
諸行如幻事  
陽焰尋香城**



Nghiệp duyên sinh phi hữu  
Phi duyên diệt vô hữu  
Chư hành như huyễn sự  
Dương điểm tâm hương thành.

Nghiệp (từ) duyên sinh chẳng có  
Chẳng duyên cũng không có  
Chư hành như huyễn sự  
Sóng nắng<sup>2</sup>, thành Tâm hương<sup>3</sup>.

(37)

業以惑爲因  
行體為惑業  
身以業爲因  
此三皆性空

Nghiệp dĩ hoặc vi nhân  
Hành thể vi hoặc nghiệp  
Thân dĩ nghiệp vi nhân  
Thử tam giai tánh không.

Nghiệp lấy hoặc làm nhân  
Thể (của) hành là hoặc nghiệp  
Thân lấy nghiệp làm nhân  
Ba đây đều tánh Không.

(38)

無業無作者

無二故無果  
無果無受者  
是故皆遠離

Vô nghiệp vô tác giả  
Vô nhị cố vô quả  
Vô quả vô thọ giả  
Thị cố giai viễn ly.

Không nghiệp, không tác giả  
Không hai trên (thì) không quả  
Không quả (thì) không thọ giả  
Cho nên đều viễn ly.

(39)

若善知業空  
見真不造業  
若無所造業  
業所生非有

Nhược thiện tri nghiệp không  
Kiến chân bất tạo nghiệp  
Nhược vô sở tạo nghiệp  
Nghiệp sở sinh phi hữu.

Khéo biết nghiệp là Không  
Thấy Chân không tạo nghiệp  
Nếu không tạo tác nghiệp

**Nghiệp sở sinh chẳng có.**

**(40)**

**如佛薄伽梵  
神通示化身  
其所現化身  
複現餘變化**

**Như Phật Bạc già phạm  
Thần thông thị hóa thân  
Kỳ sở hiện hóa thân  
Phức hiện dư biến hóa.**

**Như Phật Bạc già phạm  
Thần thông bày hóa thân  
Phật đã hiện hóa thân  
Lại hiện biến hóa khác.**

**(41)**

**佛所化且空  
何況化所化  
一切唯分別  
彼二可名有**

**Phật sở hóa tả không  
Hà hướng hóa sở hóa  
Nhất thiết duy phân biệt  
Bỉ nhị khả danh hữu.**

**Sở hóa (của) Phật còn (là) Không  
Huống chi sở hóa (của) hóa (thân)  
Tất cả chỉ phân biệt  
Hai trên gọi là có.**

**(42)**

**作者如化身  
業同化所化  
一切自性空  
唯以分別有**

**Tác giả như hóa thân  
Nghệp đồng hóa sở hóa  
Nhất thiết tự tánh không  
Duy dĩ phân biệt hữu.**

**Tác giả như hóa thân  
Nghệp đồng sở hóa (của) hóa  
Tất cả (là) tự tánh Không  
Duy lấy phân biệt có.**

**(43)**

**若業有自性  
無涅槃作者  
無則業所感  
愛非愛果無**

Nhược nghiệp hữu tự tánh  
Vô niết bàn tác giả  
Vô tác nghiệp sở cảm  
Ái phi ái quả vô.

Nếu nghiệp có tự tánh (thì)  
Không niết bàn, (không) tác giả (tạo nghiệp)  
Không (tác giả) thì nghiệp sở cảm  
Quả ái phi ái không (có).

(44)

說有或說無  
或說亦有無  
諸佛密意說  
此難可通達

Thuyết hữu hoặc thuyết vô  
Hoặc thuyết diệt hữu vô  
Chư Phật mật ý thuyết  
Thử nạn khả thông đạt.

(Trong kinh có chỗ) Nói có hoặc nói không  
Hoặc nói cũng có không  
Chư Phật mật ý nói  
Nạn (vấn) ấy được thông suốt.

(45)

色從大種生

則從非真生  
非從自性生  
彼無非他生

Sắc từng đại chủng sinh  
Tắc từng phi chân sinh  
Phi từng tự tánh sinh  
Bỉ vô phi tha sinh.

Sắc từ đại chủng sinh  
Là từ phi chân (thật) sinh  
Phi (chân) từ tự tánh sinh  
Kìa (: tự tánh) không từ tha sinh.

(46)

一中非有四  
四中亦無一  
依無四大種  
其色云何有

Nhất trung phi hữu tứ  
Tứ trung diệc vô nhất  
Y vô tứ đại chủng  
Kỳ sắc vân hà hữu.

Trong một chẳng có bốn  
Trong bốn cũng không một  
Dựa không bốn đại chủng

Sắc ấy làm sao có?

(47)

最不可取故  
由因因亦無  
從因緣生故  
有無因非理

Tối bất khả thủ cố  
Do nhân nhân diệt vô  
Tùng nhân duyên sinh cố  
Hữu vô nhân phi lý.

Gom sắc không thể nắm  
Do nhân, nhân cũng không (có)  
Sắc từ nhân duyên sinh  
Có (mà lại) vô nhân (là) phi lý.

(48)

若謂能取色  
則無取自體  
緣生心無故  
云何能取色

Nhược vị năng thủ sắc  
Tắc vô thủ tự thể  
Duyên sinh tâm vô cố  
Vân hà năng thủ sắc.

**Nếu gọi sắc năng thủ  
Thì không (có) tự thể (năng) thủ  
Tâm (từ) duyên sinh (ra) mà không (có)  
Thế nào năng thủ sắc?**

**(49)**

**能剎那生心  
不取剎那色  
云何能通達  
過去未來色**

**Năng sát na sinh tâm  
Bất thủ sát na sắc  
Vân hà năng thông đạt  
Quá khứ vị lai sắc.**

**Sát na mà sinh tâm  
Không (thể) thủ sát na sắc  
Làm sao thông đạt được  
Sắc quá khứ, vị lai.**

**(50)**

**顯色與形色  
異性終非有  
不應取彼異  
許同是色故**



Hiển sắc dữ hình sắc  
Dị tánh chung phi hữu  
Bất ưng thủ bỉ dị  
Hứa đồng thị sắc cố.

Hiển sắc và hình sắc  
Dị tánh (của hai sắc) trọn chẳng có  
Không nên thủ dị kia  
Vì nhận đồng là sắc (pháp).

(51)

眼識非在眼  
非色非中間  
彼依眼及色  
偏計即顛倒

Nhãn thức phi tại nhãn  
Phi sắc phi trung gian  
Bỉ y nhãn cập sắc  
Biến kế tức điên đảo.

Nhãn thức chẳng ở mắt  
Chẳng sắc, chẳng trung gian  
Kia (: nhãn thức) dựa mắt và sắc  
Biến kế tức điên đảo.

(52)

若眼不自見  
云何能見色

故眼色無我  
餘處亦同爾

Nhược nhãn bất tự kiến  
Vân hà năng kiến sắc  
Cổ nhãn sắc vô ngã  
Dư xứ diệc đồng nhĩ.

Nếu mắt không tự thấy  
Làm sao thấy được sắc?  
Nên mắt, sắc vô ngã  
Xứ khác cũng giống đây.

(53)

眼由自性空  
複由他性空  
色亦如是空  
餘處空亦爾

Nhãn do tự tánh không  
Phức do tha tánh không  
Sắc diệc như thị không  
Dư xứ không diệc nhĩ.

Mắt do tự tánh Không  
Lại do tha tánh Không  
Sắc cũng Không như thế  
Xứ khác cũng tánh Không.

(54)

若觸俱一起  
則餘者皆空  
空不依不空  
不空不依空

Nhược xúc câu nhất khởi  
Tắc dư giả giai không  
Không bất y bất không  
Bất không bất y không.

Nếu xúc cùng sinh khởi  
Thì cái khác đều Không  
Không chẳng dựa bất Không  
Bất Không chẳng dựa Không.

(55)

三非有自性  
不住無和合  
則無彼性觸  
是故受亦無

Tam phi hữu tự tánh  
Bất trú vô hòa hợp  
Tắc vô bỉ tánh xúc  
Thị cố thọ diệc vô.

Ba (: căn, trần, thức) chẳng có tự tánh  
Không trú (thì) không hòa hợp  
Tức không có tánh xúc  
Cho nên thọ cũng không (có).

(56)

彼依內外處  
而有心識生  
是故識非有  
如幻如焰空

Bỉ y nội ngoại xứ  
Nhi hữu tâm thức sinh  
Thị cố thức phi hữu  
N hư huyễn như diễm không.

Kia nương nội ngoại xứ  
Mà có tâm thức sinh  
Cho nên thức chẳng có  
Không, như huyễn (sự), sóng nắng.

(57)

由依所識生  
是故識非有  
識所識無故  
亦無有識者

Do y sở thức sinh  
Thị cố thức phi hữu  
Thức sở thức vô cố  
Diệc vô hữu thức giả.

Thức do sở thức sinh  
Cho nên thức chẳng có  
Thức – sở thức đều không (có)  
Cũng không có người biết.

(58)

一切無常者  
非常無有常  
常無常依性  
其性豈能有

Nhất thiết vô thường giả  
Phi thường vô hữu thường  
Thường vô thường y tánh  
Kỳ tánh khởi năng hữu.

Mọi vật đều vô thường  
Phi thường (cũng) không có thường  
Thường, vô thường dựa tánh  
Tánh ấy đâu thể có.

(59)

愛非愛顛倒  
緣生貪嗔癡

是故貪嗔癡  
非由自性有

Ái phi ái diên đảo  
Duyên sinh tham sân si  
Thị cố tham sân si  
Phi do tự tánh hữu.

Ái – phi ái: diên đảo  
Duyên sinh tham, sân, si  
Cho nên tham, sân, si  
Chẳng do tự tánh (mà) có.

(60)

於彼起貪欲  
嗔恚或愚癡  
皆由分別生  
分別非實有

Ư bỉ khởi tham cố  
Sân khuể hoặc ngu si  
Giai do phân biệt sinh  
Phân biệt phi thật hữu.

Nơi kia khởi lên tham  
Sân khuể hoặc ngu si  
Đều do phân biệt sinh  
Phân biệt chẳng thật có.

(61)

所分別無故  
豈有能分別  
以是緣生故  
能所別皆空

Sở phân biệt vô cố  
Khởi hữu năng phân biệt  
Dĩ thị duyên sinh cố  
Năng sở biệt giai không.

Sở phân biệt là không (có)  
Đâu có năng phân biệt  
Chỉ là do duyên sinh  
Năng sở (phân) biệt đều Không.

(62)

四倒生無明  
見真則非有  
此無故行無  
餘支亦如是

Tứ đảo sinh vô minh  
Kiến chân tác phi hữu  
Thử vô cố hành vô  
Dư chi diệc như thị.

Tứ đảo sinh vô minh

**Thấy chân thì chẳng có (vô minh)  
Đây (: vô minh) không (có) thì hành không (có)  
Nhưng chi khác cũng vậy.**

**(63)**

**依彼有此生  
彼無此不有  
有性及無性  
爲無爲涅槃**

**Y bỉ hữu thử sinh  
Bỉ vô thử bất hữu  
Hữu tánh cập vô tánh  
Vi vô vi niết bàn.**

**Y kia có đây sinh  
Kia không, đây chẳng có  
Hữu tánh và vô tánh  
(Hữu) vi, vô vi (mà tịch diệt): niết bàn.**

**(64)**

**諸法因緣生  
分別爲真實  
佛說即無明  
發生十二支**

**Chư pháp nhân duyên sinh  
Phân biệt vi chân thật**



**Phật thuyết tức vô minh  
Phát sinh thập nhị chi.**

**Các pháp nhân duyên sinh  
Phân biệt làm chân thật  
Phật nói đó vô minh  
Phát sinh mười hai chi.**

**(65)**

**見真知法空  
則不生無明  
此即無明滅  
故滅十二支**

**Kiến chân tri pháp không  
Tức bất sinh vô minh  
Thử tức vô minh diệt  
Cố diệt thập nhị chi.**

**Thấy chân (là) biết pháp không (: các pháp toàn là tánh Không)**

**Thì không sinh vô minh  
Đây tức vô minh diệt  
Nên diệt mười hai chi.**

**(66)**

**行如尋香城  
幻事及陽焰  
水泡與水沫**

**夢境旋火輪**

**Hành như tâm hương thành  
Huyền sự cập dương diễm  
Thủy bào cập thủy mạt  
Mộng cảnh toàn hỏa luân.**

**(Chư) hành như thành Tâm hương  
Huyền sự và sóng nắng  
Bọt nước và bóng nước  
Cảnh mộng, vòng tròn lửa.**

**(67)**

**無少自性法  
亦非無有法  
以從因緣起  
法無法皆空**

**Vô thiếu tự tánh pháp  
Diệc phi vô hữu pháp  
Dĩ tùng nhân duyên khởi  
Pháp vô pháp giai không.**

**Không chút tự tánh pháp  
Cũng chẳng không có pháp  
Vì từ nhân duyên khởi  
Pháp – vô pháp đều Không.**

**(68)**

以此一切法  
皆是自性空  
故佛說諸法  
皆從因緣起

**Dĩ thử nhất thiết pháp  
Giai thị tự tánh không  
Cổ Phật thuyết chư pháp  
Giai tùng nhân duyên khởi.**

**Do đó tất cả pháp  
Đều là tự tánh Không  
Nên Phật nói các pháp  
Đều từ nhân duyên khởi.**

(69)

勝義唯如是  
然佛薄伽梵  
依世間名言  
施設一切法

**Thắng nghĩa duy như thị  
Nhiên Phật Bạc già phạm  
Y thế gian danh ngôn  
Thi thiết<sup>4</sup> nhất thiết pháp.**

**Thắng nghĩa chỉ như vậy  
Nhưng Phật Bạc già phạm**

**Dựa danh ngôn thế gian  
Thi thiết tất cả pháp.**

**(70)**

**不壞世間法  
真實無可說  
不解佛所說  
而怖無分別**

**Bất hoại thế gian pháp  
Chân thật vô khả thuyết  
Bất giải Phật sở thuyết  
Nhi bố vô phân biệt.**

**Không hoại pháp thế gian  
Chân thật (thì) không thể nói  
Không hiểu điều Phật dạy  
Mà sợ (cái) vô phân biệt (bao gồm vô sinh, vô tướng).**

**(71)**

**依彼有此生  
世間不可壞  
緣起即無性  
寧有理唯爾**

**Y bỉ hữu thử sinh  
Thế gian bất khả hoại  
Duyên khởi tức vô tánh**

Ninh hữu lý duy nhĩ.

Y (pháp) kia có (pháp) đây sinh  
Thế gian không thể hoại  
Duyên khởi tức vô tánh  
Há hữu lý chỉ vậy.

(72)

正信求真實  
於此無依法  
以正理隨求  
離有無寂滅

Chánh tín cầu chân thật  
Ư' thử vô y pháp  
Đĩ chánh lý tùy cầu  
Ly hữu vô tịch diệt.

Chánh tín cầu chân thật  
Nơi đây không y pháp (: pháp sở y)  
Đem chánh lý tùy cầu  
Rời có – không: tịch diệt.

(73)

了知此緣起  
遮遣惡件網  
斷除貪嗔痴  
趨無染涅槃

**Liễu tri thử duyên khởi  
Già khiến ác kiến vãng  
Đoạn trừ tham sân si  
Xu vô nhiễm niết bàn.**

**Biết rõ duyên khởi đây  
Cởi bỏ lưới ác kiến  
Đoạn trừ tham, sân, si  
Hương niết bàn vô nhiễm.**

**4/4/2017**

---o0o---

**HẾT**

---

<sup>1</sup> Sở y duyên: là duyên mạnh làm đối tượng y chỉ cho cái khác nương tựa để sinh khởi.

<sup>2</sup> Dương diễn: Sóng nắng là những đợt sóng do hơi nắng bốc lên, làm cho con nai phát sanh ảo tưởng là nước.

<sup>3</sup> Tầm hương thành: thành Càn-thát-bà, thuật ngữ chỉ cho các pháp không thật, ảo hóa. Thần Càn-thát-bà thường dùng ảo thuật mà tạo ra những cảnh thành đô, nhưng những thành ấy trong phút chốc thì tiêu diệt.

<sup>4</sup> Thi thiết: thiết lập và xác định các pháp qua danh ngôn.